Di sản văn hoá

NHÂN TỐ NỀN TẢNG CHO TIẾN TRÌNH ĐỐI THOẠI GIỮA CÁC NỀN VĂN HOÁ VÀ VĂN MINH

TS. ĐẶNG VĂN BÀI*

Giao tiếp, đối thoại giữa các thành viên cộng đồng ở các cấp độ gia đình, dòng họ, làng xóm, quốc gia dân tộc và quốc tế là nhu cầu mang tính bản năng, đồng thời là nền tảng và động lực cho sự phát triển văn hoá, văn minh. Đối thoại là một quá trình tự học hỏi và trưởng thành của mỗi cá nhân cũng như cộng đồng để có được những tri thức, kinh nghiệm làm tiền đề cho các hoạt động sáng tạo các giá trị văn hoá mới. Nhưng, để thực hiện quá trình giao tiếp, đối thoại đó đạt hiệu quả cao nhất, cần trả lời hai câu hỏi:

Một là, ta có làm chủ được thông tin, tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm và kỹ năng để trao đổi cho người đối thoại với mình hay không?

Hai là, phải có phương thức giao tiếp, đối thoại như thế nào để tiếp thu được những lượng thông tin, nguồn tri thức có giá trị nhất từ người đối thoại, mà vẫn giữ được nét cá tính riêng biệt của từng cá thể cũng như bản sắc văn hoá dân tộc. Từ góc độ này, di sản văn hoá dân tộc phải được coi là nhân tố nền tảng cho tiến trình "Đối thoại giữa các nền văn hoá, văn minh vì hoà bình và sự phát triển bền vững".

1- Luật di sản văn hoá Việt Nam đã xác định rõ, di sản văn hoá Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là bộ phận của di sản văn hoá nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Quan điểm trên đặt ra yêu cầu phải tiếp cận di sản văn hoá từ những mặt sau đây:

- Một nền văn hoá thống nhất trong sự đa dạng văn hoá.

* CỤC TRƯỞNG CỤC DI SẢN VĂN HÓA

- Là một bộ phận di sản văn hoá của nhân loại.

- Di sản văn hoá Việt Nam hàm chứa những mặt giá trị văn hoá tiêu biểu.

Văn hoá được hiểu là những hoạt động nhằm phát huy năng lực sáng tạo và thoả mãn các nhu cầu mang tính nhân văn của con người, trong đó quan trọng nhất là khát vọng hướng tới chân-thiện-mỹ. Văn hoá có tác dụng thúc đẩy quá trình nhân tính hoá con người và làm lành mạnh hoá các quan hệ giữa con người với con người, giữa con người và xã hội cũng như giữa các quốc gia dân tộc trên phạm vi toàn thế giới. Cũng như các quốc gia dân tộc khác, Việt Nam luôn ước mơ được sống trong độc lập, tự do, hoà bình và hạnh phúc. Và, do điều kiện lịch sử cụ thể của mình, người Việt Nam luôn coi độc lập dân tộc là giá trị văn hoá cao cả và thiêng liêng nhất - như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Điều đó chứng tỏ giá trị văn hoá là cái cao đẹp nhất, là ước mơ, là khát vọng của một tập thể, một cộng đồng cư dân, một quốc gia dân tộc. Hơn thế nữa, giá trị văn hoá còn là chuẩn mực xã hội, đạo lý làm người mà các dân tộc đã sáng tạo ra trong quá trình tồn tại và phát triển. Trong bảng giá trị văn hoá của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam, có 3 yếu tố quan trọng nhất:

- Ý thức liên kết cộng đồng bền chặt qua hàng ngàn năm tồn tại và phát triển.

- Chủ nghĩa yêu nước truyền thống - sự phản ứng quyết liệt đối với những hành vi đi ngược lại quyền lợi dân tộc.

- Chủ nghĩa nhân văn và lòng nhân ái.

Sự đa dạng văn hoá của Việt Nam thể hiện ở chỗ, nó đã kết tụ tất cả những tinh hoa văn hoá của 54 dân tộc anh em cùng chung sống, gắn bó keo sơn hàng ngàn năm trên dải đất hình chữ S từ Mục Nam Quan tới Mũi Cà Mau. Sự gắn kết bền chặt được tôi luyện, thử thách chính là nguồn nội lực quan trọng giúp chúng ta tạo lập được một nền văn hoá Việt Nam thống nhất trong sự đa dạng. Đó cũng chính là kết quả của tiến trình hàng ngàn năm "Đối thoại giữa các nền văn hoá, văn minh", tiếp cận và tiếp biến văn hóa giữa cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam và giao lưu, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá của các quốc gia trong khu vực và trên toàn thế giới. Vì thế, nhiệm vụ đặt ra cho chúng ta hôm nay là phải huy động mọi nỗ lực của quốc gia cho việc thức tỉnh và củng cố ý thức cộng đồng về bản sắc văn hoá dân tộc, làm cho các giá trị văn hoá tiêu biểu thấm sâu vào các tầng lớp cư dân trong xã hội, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ - chủ nhân tương lai của đất nước.

Có thể thấy rõ sự thống nhất trong đa dạng của văn hoá Việt Nam qua hệ thống các di tích lịch sử, văn hoá đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích quốc gia và UNESCO đưa vào Danh mục Di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới.

Trong số các di tích gắn với tôn giáo tín ngưỡng đã được xếp hạng, ta thấy có *chùa* (gắn với Phật giáo), *quán* (gắn với đạo Lão), *văn miếu, văn chỉ* (gắn với Nho giáo, là những di tích mang dấu ấn văn hoá của Trung Hoa), *nhà thờ* (gắn với đạo Thiên chúa từ phương Tây). Bên cạnh đó, còn có *đình, đền, nghè, miếu, nhà thờ họ, phủ thờ Mẫu* (gắn với tín ngưỡng dân gian thuần Việt).

Cùng với hai di sản thiên nhiên thế giới: Vịnh Hạ Long, Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng, các di sản văn hoá thế giới: Khu di tích Cố đô Huế, Đô thị cổ Hội An, Khu di tích tháp Chàm Mỹ Sơn đã thể hiện bức tranh đa sắc về văn hoá Việt Nam. Tại Khu đô thị cổ Hội An, ta thấy rõ dấu ấn văn hoá Sa Huỳnh (tiền Chăm Pa), Chăm Pa, Đại Việt và cả dấu ấn giao lưu văn hoá Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản. Trong danh mục do Bộ Văn hoá-Thông tin lựa chọn trình UNESCO công nhận là kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại, ngoài "Âm nhạc cung đình Việt Nam - Nhã nhạc (triều Nguyễn)" - đã được công nhận, "Nghệ thuật ca trù", "Quan họ Bắc Ninh", "Múa rối nước" của người Kinh, còn có "Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên" và "Sử thi Tây Nguyên" là di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu của cộng đồng các dân tộc anh em đã sát cánh cùng nhau khai phá và xây dựng vùng đất Tây Nguyên trong nhiều năm qua. Bên cạnh các di tích quốc gia của người Kinh, còn có đền thờ Nùng Trí Cao ở Cao Bằng, chùa K'leng ở Sóc Trăng Nam Bộ, di tích kiến trúc "Nhà Vương" ở Hà Giang, đền thờ, hội quán của người Hoa ở Hội An và thành phố Hồ Chí Minh v.v... Thậm chí, có những di tích còn mang đậm dấu ấn giao lưu văn hoá giữa người Kinh và các dân tộc anh em

khác như: Điện Hòn Chén (Thừa Thiên Huế), Tháp Bà (Nha Trang), Núi Bà Đen (Tây Ninh), Miếu Bà Chúa Sứ, Núi Sam (Châu Đốc - An Giang) .v.v...

Từ những điều trình bày trên đây ta thấy, muốn tham gia quá trình "Đối thoại giữa các nền văn hoá và văn minh", mỗi quốc gia dân tộc nhất thiết phải làm chủ được tính đa dạng trong bản sắc văn hoá dân tộc của mình. Bởi vì, bản sắc văn hoá dân tộc chính là những yếu tố độc đáo, đặc sắc thể hiện đặc tính, cốt cách dân tộc, tạo nên sức mạnh duy trì và phát triển đời sống cộng đồng với tư cách là một quốc gia dân tộc.

2- Ở Việt Nam, di sản văn hoá được nhìn nhận là bộ phận quan trọng cấu thành môi trường sống của con người và, di tích lịch sử, văn hoá là phần biểu hiện vật chất mang các giá trị văn hoá tiêu biểu nhất trong kho tàng di sản văn hoá dân tộc. Bởi vậy, trong quá trình đổi mới, phát triển kinh tế-xã hội, Việt Nam luôn xác định vị trí xứng đáng và ý nghĩa quan trọng của các di tích lịch sử và văn hoá. Chúng ta thường xem xét di tích lịch sử và văn hoá ở các mặt giá trị sau đây:

- Giá trị kiến trúc thẩm mỹ, biểu hiện trong một hợp thể thiên nhiên - kiến trúc - điêu khắc - hội họa.

- Giá trị lịch sử, gắn với các sự kiện lịch sử quan trọng, những nhân vật lịch sử lỗi lạc và danh nhân văn hoá của đất nước.

- Giá trị gắn với một không gian văn hoá truyền thống - nơi tiếp diễn các sinh hoạt văn hoá cộng đồng (tiêu biểu nhất là lễ hội truyền thống và các di sản văn hoá phi vật thể khác) có sức cuốn hút và ảnh hưởng trong nhiều vùng rộng lớn của đất nước.

- Tiềm năng du lịch không bao giờ cạn kiệt, là phương tiện giao lưu văn hoá giúp cho các quốc gia dân tộc trên toàn thế giới hiểu biết lẫn nhau để có sự hợp tác toàn diện trong phát triển kinh tế - xã hội của cả cộng đồng quốc tế.

3- Bên cạnh các di tích lịch sử, văn hoá, các bảo tàng cũng là một loại thiết chế văn hoá đặc thù có vai trò quan trọng như nhịp cầu cho giao lưu văn hoá quốc tế và đối thoại giữa các nền văn minh.

Điều 47 Luật di sản văn hoá Việt Nam xác định: Bảo tàng là nơi bảo quản và trưng bày các sưu tập về lịch sử tự nhiên và xã hội nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, giáo dục, tham quan và hưởng thụ văn hoá của nhân dân. Các bộ sưu tập hiện vật gốc cũng là một thành tố quan trọng cấu thành di sản văn hoá dân tộc, chúng có các mặt giá trị dưới đây:

- Các bộ sưu tập hiện vật gốc là biểu hiện vật chất của các mặt giá trị văn hoá.

- Các bộ sưu tập gốc hàm chứa những kiến thức, hiểu biết và kinh nghiệm sống được tích luỹ trong quá trình hoạt động văn hoá của con người và trở thành nguồn tư liệu đầu tiên của tri thức.

- Các bộ sưu tập hiện vật gốc là đối tượng trực tiếp của nhận thức, có khả năng cung cấp những thông tin nguyên gốc, cơ sở cho quá trình nhận thức khách quan.

Các mặt giá trị vốn có của các di tích lịch sử, văn hoá và các bảo tàng đã tạo lập cho các thiết chế văn hoá đó một vị trí xứng đáng trong tiến trình "Đối thoại giữa các nền văn hoá và văn minh".

Những trình bày trên đây cho phép chúng ta khẳng định một nguyên tắc quan trọng là, muốn thực hành quá trình đối thoại giữa các nền văn hoá và văn minh, trước hết cần phải trân trọng giữ gìn, bảo vệ và tôn vinh di sản văn hoá dân tộc với tư cách là nhân tố nền tảng cho tiến trình giao lưu và đối thoại.

4- Theo thống kê của Tổng cục Du lịch năm 2004, lượng khách du lịch đến Việt Nam đạt con số gần 3 triệu người và đối tượng thăm viếng của du khách chủ yếu là các bảo tàng và di tích của Việt Nam. Những năm gần đây, với chính sách đổi mới, hội nhập giao lưu văn hoá, Chính phủ đã cho phép Bộ Văn hoá-Thông tin đưa các bộ sưu tập hiện vật gốc đi triển lãm ở nước ngoài với mục đích giao lưu văn hoá. Kết quả là: Cuộc triển lãm của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, tổ chức ở Mỹ, với tên gọi "Việt Nam - những cuộc hành trình của con người, tinh thần và linh hồn", sau 8 tháng mở cửa đã đón được 3 triệu khách tham quan. Cuộc triển lãm với sự tham gia của 13 bảo tàng Việt Nam, tổ chức tại Bỉ, có tên gọi "Nghệ thuật Việt Nam từ thời tiền sơ sử đến hiện đại", sau 4 tháng đã đón được 50 ngàn khách tham quan. Tiếp đó các bộ sưu tập hiện vật nói trên được chuyển đến Áo triển lãm, với tên gọi "Việt Nam - thần linh, tổ tiên và các vị anh hùng", sau 4 tháng mở cửa đã đón được 80 ngàn khách tham

quan. Ngoài ra, các bảo tàng còn biên soạn, xuất bản các tập sách hình ảnh về các sưu tập hiện vật và phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng giới thiệu rộng rãi cho hàng triệu công chúng ở những nước đăng cai tổ chức triển lãm.

Đến thăm Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh ở thành phố Hồ Chí Minh, các vị khách quốc tế, đặc biệt là các cựu chiến binh Mỹ, được tiếp cận các bộ sưu tập hiện vật gốc, được trực tiếp đối thoại với các nhân chứng, các bà mẹ Việt Nam anh hùng và nạn nhân chất độc màu da cam. Rất nhiều vị khách nước ngoài đã cảm thấy lương tâm bị cắn dứt vì mình cũng là một phần nguyên nhân gây ra cái ác, làm cho nhiều bà mẹ và người vợ Việt Nam phải mang tang chồng hoặc 4, 5 người con là liệt sĩ, nhiều nạn nhân chiến tranh phải mang thương tật, di chứng suốt quãng đời còn lại.

Trong những phương thức "đối thoại" rất sinh động ở Việt Nam, phải kể đến các lễ hội truyền thống được tổ chức tại các di tích lịch sử và văn hoá, tiêu biểu như: Đền Hùng (Phú Thọ), Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương), chùa Hương (Hà Tây)..., hàng năm đón được hàng triệu khách tham quan. Đặc biệt vào dịp ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5) và ngày mất của Người (2-9) hàng năm, đền thờ Bác Hồ tại Hậu Giang thường quy tụ đông đảo các tầng lớp cư dân từ nhiều tỉnh vùng đồng bằng Nam Bộ, nhiều sắc tộc, tôn giáo khác nhau, trong đó có các vị chức sắc tôn giáo mặc áo vàng (Phật giáo), áo trắng (Cao Đài, Hoà Hảo), áo đen (Thiên chúa giáo). Có thể nói, đây là những cơ hội đặc biệt để họ có thể ngồi chung một chiếu với nhau rất cởi mở, hoà thuận, mà sức cuốn hút, quy tụ và khả năng liên kết họ chính là tình cảm kính yêu, lòng biết ơn sâu sắc đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Các cuộc trình diễn, tập huấn, triển lãm về nghề thủ công truyền thống của đồng bào các dân tộc do Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam tổ chức tại Hà Nội, những ngày văn hoá các dân tộc do Bộ Văn hoá - Thông tin tổ chức ở Tây Bắc, Việt Bắc, Tây Nguyên, Hà Nội đã tạo ra cơ hội và không gian lễ hội cho hàng triệu đồng bào các dân tộc trong cả nước được giao lưu, đối thoại và giới thiệu những nét bản sắc văn hoá của riêng mình cho cộng đồng các dân tộc anh em.

Thực tế chứng minh, hình thức "Đối thoại giữa các nền văn hoá và văn minh vì hoà bình và phát triển bền vững" thông qua lễ hội văn hoá, du lịch và trao đổi triển lãm giữa các quốc gia đã mang lại hiệu quả xã hội rất to lớn. Cách thức đối thoại như vậy đã giúp cho bè bạn quốc tế có điều kiện tiếp cận kho tàng di sản văn hoá quý giá của đất nước ta, giúp họ hiểu đúng, hiểu cụ thể hơn nữa về một Việt Nam không chỉ có chiến tranh, không chỉ anh hùng trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm, mà còn có nền văn hoá lâu đời trên nền tảng của sự thống nhất trong đa dạng. Đây có thể là phương cách tốt nhất để chúng ta chia sẻ với nhau những tri thức, hiểu biết và quan trọng hơn là những kinh nghiệm đã được kiểm chứng trong lịch sử. Hình thức đối thoại hấp dẫn, sinh động như vậy còn là nguồn động lực thúc đẩy sự phát triển "ngành công nghiệp không khói" là du lịch. Và cao hơn nữa, nó tạo lập sự hiểu biết, củng cố niềm tin để các quốc gia có thể hợp tác nhiều hơn nữa trong lĩnh vực kinh tế và đầu tư phát triển.

5- Chắc chắn sẽ không ai phủ nhận sự cần thiết và tính hữu ích của việc triển khai các hình thức "Đối thoại giữa các nền văn hoá và văn minh vì hoà bình và phát triển bền vững". Bởi vì, hoà bình và phát triển ổn định chỉ được đảm bảo trên cơ sở có sự hiểu biết và khoan dung giữa các quốc gia trong cộng đồng quốc tế. Vấn đề đặt ra là, cần trao đổi để thống nhất nhận thức và đưa ra các chương trình hành động cụ thể, đồng thời cần xác định những hình thức đối thoại như thế nào cho phù hợp ở các cấp độ: Toàn thế giới, khu vực, tiểu khu vực, cấp độ quốc gia, giữa cộng đồng các dân tộc và các vùng văn hoá trong từng quốc gia riêng biệt.

- Trên phạm vi toàn thế giới và khu vực, rất cần có sự hợp tác quốc tế đa phương và song phương, với sự ủng hộ của các nguyên thủ quốc gia và sự hướng dẫn chung của UNESCO.

- Trong phạm vi từng quốc gia thì sự định hướng, quản lý của Nhà nước và hoạt động của các tổ chức xã hội là vô cùng cần thiết.

- Muốn thu hút được đông đảo công chúng tham gia đối thoại, rất cần có cơ chế chính sách cởi mở, tạo điều kiện cho mọi công dân tiếp cận tinh hoa di sản văn hoá thế giới và dân tộc để

họ được hưởng thụ, sáng tạo văn hoá và trực tiếp tham gia đối thoại với những chủ nhân của các loại hình di sản văn hoá. Hiểu mình, hiểu người để tự hiểu mình sâu sắc hơn là một hành trình đúng đắn cho đối thoại.

Đã đến lúc Việt Nam cần suy nghĩ và thiết kế "chương trình giáo dục di sản văn hoá" cho công dân, trước hết là cho học sinh phổ thông và sinh viên đại học. Một chương trình giáo dục như vậy là nhằm tạo cho thế hệ trẻ của chúng ta có trong hành trang của mình một nền tảng vững chắc, là bản sắc văn hoá dân tộc, để sẵn sàng hội nhập vào tiến trình đối thoại mà không bị chệch hướng. Nền tảng ấy còn giúp họ có khả năng ngăn chặn, hạn chế và khắc phục những mặt tác động tiêu cực do quá trình toàn cầu hoá về kinh tế và quốc tế hóa về văn hoá đưa lại như: Bất bình đẳng, sự kỳ thị văn hoá, nhất thể hoá về văn hoá, hay xu thế áp đặt văn hoá, áp đặt lối sống và mô hình phát triển của một vài nước ở phương Tây cho tất cả các quốc gia đang phát triển hoặc chậm phát triển khác.

- Cuối cùng, nguyên tắc cao nhất cần tuân thủ là sự bình đẳng văn hoá, trân trọng bảo vệ và tôn vinh các giá trị văn hoá của dân tộc mình, cởi mở giao lưu văn hoá, đối thoại với các quốc gia dân tộc khác trên cơ sở tôn trọng sự đa dạng văn hoá, chấp nhận sự khác biệt về văn hoá của các dân tộc khác với tinh thần thực sự khoan dung.

Đ.V.B

Tháp Phước Duyên, chùa Thiên Mụ, Huế - Ảnh: H.N

SUMMARY: CULTURAL HERITAGE – THE FOUNDATION ELEMENT FOR THE DIALOGUE PROCESS AMONG DIFFERENT CULTURES AND CIVILIZATIONS (AUTHOR: DANG VAN BAI)

Based on the facts, the foundation and development process of Vietnamese culture, the author confirms that Cultural heritage is a basic factor for the dialogue process among the different cultures and civilizations. To display such a significant role of cultural heritage, each nation, each country should master the multi-sided feature of his own cultural characteristics; he should appreciate highly the preservation and conservation of cultural heritage and respect it as basic means of contact and dialogue; at the same time openly contact with other cultures in the world on the basis of mutual respect among the different cultures with their own cultural characteristics.